**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2024/DS-PT
Ngày: 13 - 8 - 2024
*V/v: "Tranh chấp đòi lại tài sản"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Thái Sơn
*Các Thẩm phán:* Bà Từ Thị Hải Dương và bà Hoàng Thị Thanh Nhàn
***- Thư ký phiên toà:*** Ông Hoàng Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Cao Thị Minh Nguyệt – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình, mở phiên tòa công khai để xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 21/2024/TLPT - DS ngày 29 tháng 5 năm 2024 về việc *"Tranh chấp đòi lại tài sản"*,

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2024/DS - ST ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 219/ 2024/QĐXXPT-DS ngày 16 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên toà số: 218/2024/QĐPT-DS ngày 30 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Trần Văn N, sinh năm 1962;

Nơi cư trú: Thôn D L, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; Ông N có mặt tại phiên toà.

*Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:* Bà Lê Thị D, sinh năm 1968; Nơi cư trú: Thôn D L, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; Bà D có mặt tại phiên toà.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn S, sinh năm 1959;

Nơi cư trú: Thôn D L, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; Ông S có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị D; sinh năm 1968; Nơi cư trú: Thôn D L, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. (vợ của ông Trần Văn N), bà D có mặt tại phiên toà.

*Người kháng cáo:* Ông Trần Văn N – Là nguyên đơn trong vụ án.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 16/10/2023và trong các văn bản tố tụng cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Văn N trình bày:*

Mẹ đẻ của ông N và ông S là bà Trần Thị H sinh năm 1936. Bà H có 3 người con là: Trần Văn S, Trần Văn N, Trần Thị Thanh T. Năm 2002, bà H chết, không để lại di chúc. Bà H có mảnh đất được cấp quyền sử dụng QSDĐ/131/UB-ĐH cấp ngày 09/09/1991 và ngôi nhà cấp 4 được xây dựng vào năm 1978 trên mảnh đất của bà H. Di sản nêu trên của bà H đã được chia thừa kế theo pháp luật theo nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2023/DS-ST ngày 08/6/2023 của Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới (Bản án hiện nay đã có hiệu lực pháp luật).

Tuy nhiên, tại thời điểm bà H còn sống thì vào ngày 20/5/1998, ông Trần Văn S đã tự tay viết một bản cam kết với nội dung là: Nhường quyền thừa kế toàn bộ tài sản của mẹ (tức là bà H) để lại cho con trai là Trần Văn N bao gồm nhà cửa và đất đai. Và ông S đã yêu cầu nguyên đơn (ông N) đưa cho ông S số tiền 5.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm triệu đồng). Ông N đã tự nguyện giao đủ số tiền 5.000.000 đồng cho ông S nhận. Việc giao nhận tiền và thoả thuận trên giữa chúng tôi theo cam kết ngày 20/5/1998. Mục đích của việc giao nhận số tiền trên là: Ông S sẽ nhận số tiền 5.000.000 đồng, còn ông N sẽ được nhường quyền nhận toàn bộ số tài sản nhà và đất do bà H để lại sau khi mất để có nơi làm thờ cúng về sau. Từ thời điểm giao nhận số tiền trên đến nay thì năm 2002 bà H (tức mẹ đẻ của nguyên đơn và bị đơn đã chết, không để lại di chúc) nhưng phía ông S không thực hiện cam kết thoả thuận, ông S không hợp tác để ký các văn bản giấy tờ của thửa đất đã được chia thừa kế theo nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2023/DS-ST ngày 08/6/2023 của Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới. Ông N cho rằng tại thời điểm năm 1998 ước tính giá trị số tiền gốc ban đầu là 5.000.000 đồng thì tương đương giá trị thửa đất tương tự khoảng 500m$^2$ trở lên, tức là đến thời điểm khởi kiện thì giá trị tương đương của thửa đất đó sẽ khoảng 1.200.000.000 đồng (bằng chữ: Một tỷ hai trăm triệu đồng).

Theo đơn khởi kiện của ông Trần Văn N yêu cầu Toà án giải quyết: yêu cầu ông Trần Văn S phải trả lại cho ông N số tiền tương đương với giá trị thửa đất theo giá thị trường hiện tại là 1.200.000.000 đồng (bằng chữ: Một tỷ hai trăm triệu đồng) theo Giấy cam kết đề ngày 20/5/1998 do ông Trần Văn S tự viết tay.

** Bị đơn ông Trần Văn S trình bày tại bản tự khai và hòa giải:*

Ông S thừa nhận: tại thời điểm bà H (tức mẹ đẻ của ông S và ông N) còn sống thì vào ngày 20/5/1998, ông S đã tự tay viết một bản cam kết nêu trên. Mục đích của việc viết bản cam kết trên là vì ông S cần số tiền 5.000.000 đồng để có việc cá nhân; Ông S không đồng ý như trình bày của ông N về mục đích viết bản cam kết không liên quan đến tài sản của mẹ (bà H) vì lúc đó bà H còn sống. Sau khi ông S đã tự tay viết một bản cam kết nêu trên nhưng thực tế ông S chưa nhận được bất kỳ khoản tiền nào từ ông N. Ông N cho rằng đã đưa ông S số tiền 5.000.000 đồng nhưng thực tế

ông chưa nhận được số tiền trên vì ông N giao tiền cho ông thì phải lập biên bản giao nhận giữa hai bên. Tuy nhiên xuất phát từ tình cảm anh em ông S sẵn sàng hỗ trợ đúng 5.000.000 đồng cho ông Trần Văn N để anh em khỏi mất mát tình cảm, tổn thương không đáng có. Do vậy, ông S đề nghị Toà án bác đơn khởi kiện của ông N vì không có cơ sở.

** Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn bà Lê Thị D:*

Nhất trí với nội dung khởi kiện của nguyên đơn Trần Văn N.

Bà D giữ nguyên toàn bộ nội dung đã khai lập ngày 02/11/2023. Bà D không có yêu cầu độc lập. Bà D nhất trí hoàn toàn với nội dung đơn khởi kiện, bản trình bày mà nguyên đơn là ông Trần Văn N đã trình bày và đề nghị Toà án giải quyết theo pháp luật.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2024/DS-ST ngày 16/4/2024, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã quyết định:*

*- Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35; Điều 39; khoản 1 Điều 91; khoản 3 Điều 144, Điều 147; Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;*

*- Áp dụng các Điều 357, Điều 463, Điều 466; Điều 469 Bộ luật dân sự;*

*- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí. Xử:*

***1.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.*

*Buộc ông Trần Văn S phải trả cho ông Trần Văn N số tiền gốc 5.000.000 đồng theo giấy cam kết ngày 20/5/1998 và số tiền phạt chậm thực hiện hợp đồng là 13.091.867 đồng, tổng cộng 18.091.867 đồng.*

*Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi chậm trả đối với số tiền còn chưa thi hành xong theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm trả.*

***2.** Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn N buộc ông Trần Văn S phải trả cho ông N số tiền 1.181.908.133 đồng.*

*Bản án còn tuyên về án phí và quyền, nghĩa vụ thi hành án cũng như quyền kháng cáo cho các đương sự.*

Trong hạn luật định, ngày 22/4/2024, nguyên đơn ông Trần Văn N làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án. Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

*Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm về vụ án:*

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Trần Văn N, giữ nguyên toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm; Miễn toàn bộ án dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho ông N và ông S vì là người cao tuổi.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:**

Nguyên đơn kháng cáo trong hạn luật định và thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí kháng cáo nên chấp nhận để xét xử phúc thẩm.

Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu đòi lại tài sản, bị đơn có địa chỉ tại thành phố Đ, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án cấp phúc thẩm mở phiên tòa vào ngày 30/7/2024, nhưng nguyên đơn ông N và bị đơn ông S có đơn xin hoãn phiên tòa lần thứ nhất. Tại phiên tòa hôm nay cả nguyên đơn và bị đơn đều có mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

**[2] Về nội dung:**

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông Trần Văn N yêu cầu ông Trần Văn S phải trả lại cho ông N số tiền tương đương với giá trị của 01 thửa đất theo giá thị trường hiện tại là 1.200.000.000 đồng (bằng chữ: Một tỷ hai trăm triệu đồng) theo Giấy cam kết đề ngày 20/5/1998 do ông Trần Văn S tự viết tay và cam kết nhượng toàn bộ quyền thừa kế tài sản thừa kế của bố mẹ là đất đai, tài sản trên đất cho em trai là Trần Văn N. Ông N đưa cho ông S số tiền 5.000.000 đồng (bao gồm 3.000.000 đồng ông S đã mượn từ trước và 2.000.000 ông N đưa thêm).

[2.2] Mặc dù giấy cam kết ngày 20/5/1998 ông Trần Văn S viết với nội dung: "Khu đất của mẹ đang ở hiện nay thuộc đất của ông bà ngoại để lại cho mẹ. Mẹ đã nhường lại cho ba anh em làm nhà để ở. Vì một khu đất nên ba anh em không cùng làm nhà để ở được. Vì vậy anh trai cả Trần Văn S nhường lại cho em trai là Trần Văn N, nhưng trước khi anh trai ra đi làm ăn, em trai trả cho anh một số tiền lộ phí là 5.000.000 đồng, trước đây anh đã mượn 3.000.000 đồng, vì thế em trai chỉ trả 2.000.000 đồng...", việc ông S nhường lại quyền sự dụng đất của mẹ cho ông N là tự nguyện nhưng không hợp pháp. Bởi lẽ tại thời điểm năm 1998 thì mẹ của ông S và ông N là cụ bà Trần Thị H vẫn còn sống và chưa có tài liệu hay ý kiến gì của cụ bà Trần Thị H về nhường lại tài sản nhà đất cho anh em ông S; Giấy cam kết không được công chứng chứng thực hợp lệ, không có đầy đủ chữ ký của các bên. Hơn nữa tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông N và bà D (vợ ông N) đều thừa nhận giấy cam

kết đó là không hợp pháp. Tại phiên tòa phúc thẩm ông S cho rằng ông chưa nhận được 5.000.000 đồng từ ông N nhưng nội dung trong giấy cam kết thể hiện "Trước đây anh đã mượn 3.000.000 đồng vì thế em trai chỉ trả 2.000,000 đồng". Ông N cũng thừa nhận là cho ông S mượn số tiền 5.000.000 đồng và ông S đã giao giấy cam kết cho ông N, điều này chứng minh là ông S đã mượn của ông N số tiền 5.000.000 đồng. Nguyên đơn khởi kiện đòi lại số tiền 5.000.000 đồng thời điểm năm 1998 tương đương với số tiền 1.200.000.000 đồng (giá trị của 01 thửa đất theo thị trường hiện nay). Tuy nhiên, tại giấy cam kết do ông S viết cũng không thể hiện việc quy đổi số tiền 5.000.000 đồng ra giá trị một thửa đất.

[2.3] Ông N cho rằng tại thời điểm năm 1998 ước tính giá trị số tiền gốc ban đầu là 5.000.000 đồng thì tương đương giá trị thửa đất tương tự khoảng 500m$^2$ trở lên, tức là đến thời điểm khởi kiện vụ án này thì giá trị tương đương của thửa đất đó sẽ khoảng 1.200.000.000 đồng (bằng chữ: Một tỷ hai trăm triệu đồng). Ông Nông buộc ông S phải trả cho ông N số tiền 1.200.000.000 đồng với lý do như trên. Nhưng ông N không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ. Vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông N đòi ông S phải trả lại số tiền 1.200.000.000 đồng.

Ông S cho rằng chưa nhận được số tiền 5.000.000 đồng từ ông N nhưng không đưa ra được chứng cứ. Hội đồng xét xử thấy rằng tại giấy cam kết ngày 20/5/1998 thì ông S thừa nhận trước đây ông đã mượn 3.000.000 đồng vì thế ông N chỉ trả 2.000.000 đồng. Do đó, Bản án sơ thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là buộc ông S trả lại số tiền gốc 5.000.000 đồng cho ông N theo giấy cam kết do ông S trực tiếp viết và ký tên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.4] Mặt khác, liên quan đến nhà đất của cụ bà Trần Thị H (mẹ của ông S và ông N) thì ngày 18 tháng 7 năm 2022, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã thụ lý vụ án dân sự sơ thẩm về việc *"Tranh chấp chia thừa kế"* và được giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2023/DS-ST ngày 08/6/2023. Theo đó, ông Trần Văn S yêu cầu giải quyết phân chia di sản thừa kế theo pháp luật của mẹ ruột (là cụ bà Trần Thị H, sinh năm 1936, đã chết vào ngày 12/7/2002 theo Giấy trích lục khai tử số 82/TLKT-BS ngày 24/5/2022) đối với di sản là thửa đất số: 23, tờ bản đồ số 8, tổng diện tích 1100m$^2$, địa chỉ thửa đất tại thôn D, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số A860145, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02414 QSDĐ/131QĐ/UB-ĐH do Ủy ban nhân dân thị xã Đ (nay là thành phố Đ), tỉnh Quảng Bình cấp ngày 09/9/1991 và ngôi nhà cấp 4 được xây dựng vào năm 1978 trên trên thửa đất. Ngày 08/6/2023 Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới đã xét xử và ban hành bản án dân sự sơ thẩm số 24/2023/DS-ST chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S và phân chia dia sản thừa kế. Sau khi xét xử sơ thẩm ông S không kháng cáo, ông N (bị đơn) kháng cáo nhưng sau đó ông N rút kháng cáo và ngày 09/8/2023 cấp phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm, bản án

dân sự sơ thẩm số 24/2023/DS-ST ngày 08/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới có hiệu lực pháp luật.

[2.5] Bản án sơ thẩm căn cứ theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, theo đó bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả và thời điểm tính phạt chậm thực hiện hợp đồng kể từ ngày 20/5/1998 ngày ông S viết giấy cam kết đến ngày xét xử sơ thẩm 16/4/2024 là 9.464 ngày với mức lãi suất là 0,83 %/ tháng trên tổng số tiền nợ gốc chưa trả 5.000.000 đồng là 13.091.867 đồng là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tổng cộng số tiền ông S phải trả cho ông N là: 18.091.867 đồng. Số tiền còn lại không được chấp nhận là 1.181.908.133 đồng.

Từ phân tích, nhận định trên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn N, giữ nguyên toàn bộ bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: ông Nông thuộc đối tượng người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm; ông S thuộc đối tượng người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Áp dụng các Điều 357, Điều 463, Điều 466; Điều 469 Bộ luật Dân sự. Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn N. Giữ nguyên toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2024/DS-ST ngày 16/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

**1.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Trần Văn S phải trả cho ông Trần Văn N số tiền gốc 5.000.000 đồng theo giấy cam kết ngày 20/5/1998 và số tiền phạt chậm thực hiện nghĩa vụ là 13.091.867 đồng, tổng cộng 18.091.867 đồng (Mười tám triệu, không trăm chín mươi mốt nghìn, tám trăm sáu bảy đồng).

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi chậm trả đối với số tiền còn chưa thi hành xong theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm trả.

**2.** Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn N buộc ông Trần Văn S phải trả cho ông N số tiền 1.181.908.133 đồng.

**3.** Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông S; Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho ông N.

**4.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (13/8/2024).

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND TP. Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP. Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thái Sơn**